

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế để thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư

Căn cứ Luật Đường sắt số 35/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế để thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế để thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế để thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư.

Điều 3. Tài sản được Nhà nước cấp kinh phí

1. Tài sản thuộc hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư (sau đây gọi là kết cấu hạ tầng đường sắt) được Nhà nước cấp kinh phí quản lý, bảo trì hàng năm gồm:

- a) Công trình kiến trúc tầng trên, nền đường và các công trình phòng hộ của đường chính tuyến, đường ga, đường nhánh có nối với chính tuyến; hệ thống thoát nước, cọc tiêu, biển báo.
- b) Công trình cầu, cống, hầm, kè, tường chắn.
- c) Công trình đường ngang.
- d) Công trình thông tin, tín hiệu: tín hiệu ra vào ga, đường truyền tải, trạm tổng đài, thiết bị khống chế, cáp tín hiệu, thiết bị nguồn điện.
- đ) Công trình kiến trúc: nhà ga, nhà điều hành giao thông vận tải đường sắt, kho ga, chòi gác, ke ga, hệ thống cấp, thoát nước.
- e) Trạm biến áp, đường dây cấp điện cho ga.
- g) Công trình phụ trợ phục vụ vận tải đường sắt: bãi hàng, đường bộ chuyên dùng vào ga và bãi hàng, quảng trường ga, tường rào.
- h) Công trình phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường.
- i) Thiết bị và các công trình phụ trợ khác liên quan đến công trình nêu tại Điểm a, b, c, d, đ, e, g, h nêu trên.

Những tài sản nêu trên không thực hiện trích khấu hao cơ bản mà được theo dõi mức hao mòn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

2. Trường hợp kết cấu hạ tầng đường sắt được chuyển nhượng có thời hạn thì Nhà nước không cấp kinh phí quản lý bảo trì cho tài sản được chuyển nhượng mà thực hiện việc quản lý, bảo trì theo hợp đồng ký kết.

Điều 4. Nội dung chi nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt

Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt do Nhà nước cấp để thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt.
2. Sửa chữa định kỳ và đột xuất kết cấu hạ tầng đường sắt.
3. Khắc phục hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt do hậu quả bão lụt, sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt gây ra.
4. Chi phí quản lý dự án cho các công việc nêu tại Khoản 1, 2, 3 Điều này;

5. Các nhiệm vụ khác

a) Kiểm tra, quan trắc, kiểm định, thẩm tra, thẩm định, tư vấn lập dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát và tư vấn khác trong trường hợp công trình thực hiện có yêu cầu hoặc cần thiết; kiểm toán, quyết toán.

b) Chi phí lập hoặc điều chỉnh quy trình bảo trì đối với công trình đã đưa vào khai thác, sử dụng hoặc cần phải điều chỉnh quy trình bảo trì; chi phí xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật đối với trường hợp chưa có định mức hoặc cần phải điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật (trừ trường hợp do cơ quan quản lý nhà nước thực hiện).

c) Chi phí bảo quản vật tư thu hồi giữ lại để sử dụng lại (chưa xuất dùng vào công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo khoản 3 Điều 12 Thông tư này).

Chương II

HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN QUẢN LÝ, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 5. Hình thức, phương thức thực hiện quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên; công tác kiểm tra, quan trắc kiểm định kết cấu hạ tầng đường sắt; quản lý dự án thực hiện theo phương thức đặt hàng.

2. Đối với sản phẩm, dịch vụ có tính chất xây lắp và sản phẩm, dịch vụ mua sắm tài sản có giá trị trên 01 tỷ đồng thực hiện theo phương thức đấu thầu; từ 01 tỷ đồng trở xuống nếu không đáp ứng đủ các điều kiện đấu thầu thì thực hiện theo phương thức đặt hàng.

3. Đối với sản phẩm, dịch vụ có tính chất tư vấn có giá trị trên 500 triệu đồng thực hiện theo phương thức đấu thầu; từ 500 triệu đồng trở xuống nếu không đáp ứng đủ các điều kiện đấu thầu thì thực hiện theo phương thức đặt hàng.

4. Đối với công tác khắc phục hậu quả do sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông bước 1 thực hiện theo phương thức đặt hàng và phù hợp với qui định của Thông tư số 01/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải qui định về phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt bão, ứng phó sự cố, thiên tai và cứu nạn trong hoạt động đường sắt.

Điều 6. Đấu thầu lựa chọn nhà thầu

1. Tổng công ty đường sắt Việt Nam tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu thực hiện quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo qui định của pháp luật về đấu thầu.

2. Việc thực hiện giám sát, nghiệm thu, thanh toán hợp đồng theo qui định của pháp luật.

Điều 7. Đặt hàng thực hiện quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Nhà thầu được nhận đặt hàng bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt phải thỏa mãn điều kiện qui định tại Điều 21, Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng

10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (Nghị định số 130/2013/NĐ-CP của Chính phủ) và khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt.

2. Tổng công ty đường sắt Việt Nam xây dựng giá, đơn giá sản phẩm bảo dưỡng thường xuyên công trình đường sắt theo qui định hiện hành trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt. Trên cơ sở đó, Tổng công ty thực hiện ký hợp đồng đặt hàng với nhà thầu theo qui định.

3. Việc thực hiện hợp đồng, giám sát, nghiệm thu, thanh toán hợp đồng theo qui định của pháp luật.

4. Hợp đồng đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đường sắt bao gồm các chỉ tiêu qui định tại khoản 2, Điều 22, Nghị định số 130/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Hợp đồng đặt hàng được điều chỉnh trong các trường hợp qui định tại Điều 23, Nghị định số 130/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương III

KẾ HOẠCH, DỰ TOÁN VÀ THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KINH TẾ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 8. Lập, giao kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt

Việc lập, giao kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo qui định hiện hành của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 9. Lập, phân bổ và giao dự toán chi ngân sách Nhà nước nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt

1. Tổng công ty đường sắt Việt Nam lập dự toán chi ngân sách Nhà nước nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này trình Bộ Giao thông vận tải trước 15 tháng 7 hàng năm. Bộ Giao thông vận tải xem xét và tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm sau của Bộ Giao thông vận tải gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hàng năm để tổng hợp trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trên cơ sở dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước của Bộ Tài chính giao và kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Điều 8 Thông tư này, Bộ Giao thông vận tải lập phương án phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước cho từng nhiệm vụ theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này, gửi Bộ Tài chính thẩm định theo qui định. Bộ Giao thông vận tải được để lại phân bổ từ 1% đến 2% trên tổng số kinh phí được giao để dự phòng khắc phục bão lũ, thời hạn phân bổ chậm nhất đến 31 tháng 10 hàng năm.

3. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán chi ngân sách Nhà nước theo từng nhiệm vụ theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư này cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam để tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện dự toán chi Ngân sách Nhà nước được

giao, trường hợp điều chuyển kinh phí giữa các nhiệm vụ chi qui định tại Điều 4 Thông tư này, Bộ Giao thông vận tải quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính. Trường hợp hết năm không sử dụng hết, số kinh phí còn lại được xử lý theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 10. Tạm ứng, thanh toán nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt

1. Tạm ứng, thanh toán nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt theo phương thức đấu thầu thực hiện theo qui định hiện hành của Bộ Tài chính.

2. Tạm ứng, thanh toán nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt theo phương thức đặt hàng

a) Hồ sơ gửi Kho bạc Nhà nước lần đầu bao gồm: Quyết định giao dự toán chi của Bộ giao thông vận tải; hợp đồng đặt hàng giữa Tổng công ty đường sắt Việt Nam và nhà thầu thực hiện quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

b) Tạm ứng kinh phí: Hồ sơ gửi từng lần tạm ứng bao gồm: Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (tạm ứng) của Tổng công ty đường sắt Việt Nam, trong đó ghi rõ nội dung tạm ứng để Kho bạc Nhà nước có căn cứ kiểm soát và theo dõi khi thanh toán.

c) Thanh toán: Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán của hợp đồng, Tổng công ty đường sắt Việt Nam lập hồ sơ đề nghị thanh toán và gửi Kho bạc Nhà nước, gồm:

- Bản xác định giá trị khối lượng công việc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán, có xác nhận giữa Tổng công ty đường sắt Việt Nam và nhà thầu;

- Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng hoàn thành giữa Tổng công ty đường sắt Việt Nam và nhà thầu;

- Biên bản thu hồi vật tư (nếu có);

- Giá, đơn giá do Bộ Giao thông vận tải phê duyệt; mức trợ giá do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định;

- Giấy đề nghị thanh toán hoặc thu hồi tạm ứng của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

- Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

- Tài liệu chứng từ hợp pháp khác theo qui định.

Định kỳ hàng tháng, Tổng công ty đường sắt Việt Nam thực hiện nghiệm thu và hoàn thành các thủ tục đề thanh toán kinh phí quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt hoàn thành cho các nhà thầu.

d) Trình tự, thủ tục, hồ sơ tạm ứng, thanh toán thực hiện theo qui định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ và các qui định, hướng dẫn khác có liên quan.

3. Mức tạm ứng và thời gian thu hồi tạm ứng

a) Mức tạm ứng

- Đối với những khoản chi có giá trị hợp đồng từ 20 triệu đồng trở lên, mức tạm ứng theo quy định tại hợp đồng đã ký kết của Tổng công ty đường sắt Việt Nam và nhà thầu nhưng tối đa không vượt quá 50% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết và không vượt quá dự toán năm được phê duyệt cho khoản chi đó.

- Đối với những khoản chi không có hợp đồng và những khoản chi có giá trị hợp đồng dưới 20 triệu đồng, mức tạm ứng theo tiến độ thực hiện.

b) Thời gian thu hồi tạm ứng

Việc thu hồi tiền tạm ứng bắt đầu từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết số tiền tạm ứng khi thanh toán lần cuối cùng của năm kế hoạch.

Điều 11. Tạm ứng, thanh toán các nội dung chi khác

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách Nhà nước do Bộ Giao thông vận tải giao, định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ tài chính, giá và đơn giá công việc được duyệt, Tổng công ty đường sắt Việt Nam thực hiện tạm ứng, thanh toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt cho các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ chi khác (ngoài nhiệm vụ chi đã được qui định về tạm ứng, thanh toán tại Điều 10 Thông tư này) theo qui định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ và các hướng dẫn khác có liên quan. Mức tạm ứng và thời gian thu hồi tạm ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

Điều 12. Quản lý, sử dụng và thanh lý vật tư thu hồi

1. Toàn bộ vật tư thay ra trong quá trình quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt Tổng công ty đường sắt Việt Nam có trách nhiệm thu hồi, thành lập Hội đồng để phân loại vật tư có khả năng sử dụng lại và vật tư không sử dụng lại được; Bảo quản, theo dõi cả về số lượng và phản ánh giá trị của vật tư thu hồi trên sổ sách kế toán. Chậm nhất 01 tháng từ khi thu hồi, Tổng công ty phải lập phương án sử dụng trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

2. Đối với vật tư thu hồi không sử dụng lại được, trong thời gian 01 tháng kể từ khi Bộ Giao thông vận tải phê duyệt phương án xử lý, Tổng công ty đường sắt Việt Nam tổ chức thanh lý, nhượng bán theo qui định. Trường hợp để vật tư thu hồi tồn đọng quá thời gian nêu trên, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam chịu trách nhiệm chi trả tiền bảo quản.

3. Đối với vật tư giữ lại để sử dụng lại, Tổng công ty đường sắt Việt Nam có trách nhiệm quản lý, bảo quản. Khi xuất dùng vào công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, Tổng công ty báo cáo Bộ Giao thông vận tải để đề nghị Bộ Tài chính thực hiện ghi thu, ghi chi theo qui định.

4. Tổng công ty đường sắt Việt Nam lập dự toán chi phí thu hồi, bảo quản, thanh lý vật tư thu hồi (không sử dụng lại và giữ lại để sử dụng lại) thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

5. Tiền thu được từ nhượng bán, thanh lý vật tư thu hồi thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt sau khi trừ đi chi phí thu hồi, bảo quản, thanh lý, nhượng bán Tổng công ty đường sắt Việt Nam có trách nhiệm nộp vào ngân sách trung ương trong thời gian 01 tháng kể từ thời điểm hoàn thành nhượng bán; trường hợp chậm nộp thì phải chịu thêm lãi suất chậm nộp tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm gần nhất cho số tiền và thời gian chậm nộp. Số tiền nộp ngân sách Nhà nước được cân đối 100% cho công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư.

Điều 13. Trách nhiệm lập, kiểm tra, thẩm định, phê duyệt quyết toán

1. Tổng công ty đường sắt Việt Nam:

a) Hàng năm lập báo cáo quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt nộp Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính theo qui định.

b) Lập báo cáo quyết toán dự án, công trình hoàn thành trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

2. Bộ Giao thông vận tải:

a) Thông báo kế hoạch kiểm tra quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam và gửi Bộ Tài chính để phối hợp thực hiện.

b) Chủ trì phối hợp Bộ Tài chính kiểm tra quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt của Tổng công ty đường sắt Việt Nam. Trên cơ sở kết quả kiểm tra quyết toán nêu trên, thực hiện xét duyệt quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt của Tổng công ty đường sắt Việt Nam theo qui định.

c) Phê duyệt quyết toán dự án, công trình hoàn thành theo qui định của pháp luật về đầu tư xây dựng. Trường hợp có sự chênh lệch so với số liệu quyết toán kinh phí bảo trì hàng năm của cơ quan có thẩm quyền, phải điều chỉnh số liệu quyết toán hàng năm theo quyết toán dự án hoàn thành.

3. Căn cứ kết quả xét duyệt quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm cho Bộ Giao thông vận tải theo qui định của Luật ngân sách Nhà nước.

Điều 14. Xử lý vi phạm

1. Khi kiểm tra, thẩm định quyết toán, cơ quan kiểm tra, thẩm tra quyết toán được quyền xuất toán các khoản chi sai qui định, chi không đúng chế độ và chi không nằm trong dự toán chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời người nào ra lệnh chi sai người đó phải bồi hoàn cho công quỹ và phải chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật. Số tiền xuất toán được xử lý theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

2. Tổng công ty đường sắt Việt Nam và các Nhà thầu thực hiện quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt chịu trách nhiệm trước Nhà nước và pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp lệ, hợp pháp của số liệu báo cáo quyết toán.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016; áp dụng từ năm tài chính 2016 và thay thế Thông tư số 167/2011/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác quản lý tài chính, giao kế hoạch, thanh toán vốn sự nghiệp kinh tế đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia do nhà nước đầu tư.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG *Handwritten signature*

Handwritten signature
Trần Văn Hiếu

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỨ TRƯỞNG *Handwritten signature*

Handwritten signature
Nguyễn Ngọc Đông

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- VP Ban chỉ đạo PCTN TW;
- Viện KSDTC;
- Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ GTVT, Tài Chính;
- Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính (Vụ PC, NSNN, QLГ, KBNN);
- Các đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải (Vụ PC, KCHTGT, QLDN, Cục ĐSVN, TCT ĐSVN);
- Website Bộ TC, Bộ GTVT;
- Lưu: VT, Cục TCDN (Bộ Tài chính);
- Lưu: VP, Vụ TC (Bộ GTVT).

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 10 /2016/TTLT-BGTVT-BTC
ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính)

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NGUỒN KINH PHÍ
SỰ NGHIỆP KINH TẾ ĐƯỜNG SẮT**

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng	Dự toán chi ngân sách nhà nước
I	Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt			
1	Sản phẩm thứ nhất			
2	Sản phẩm thứ hai			
n	Sản phẩm thứ n			
II	Sửa chữa định kỳ và đột xuất kết cấu hạ tầng đường sắt			
1	Sản phẩm thứ nhất			
2	Sản phẩm thứ hai			
n	Sản phẩm thứ n			
III	Khắc phục hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt do hậu quả sự cố, thiên tai và tai nạn bước 1			
1	Khắc phục sự cố công trình 1			
2	Khắc phục sự cố công trình 2...			
n	Khắc phục sự cố thứ n			
IV	Chi phí quản lý dự án			
V	Nhiệm vụ khác			
1	Kiểm tra quan trắc công trình đường sắt			
2	Kiểm định công trình đường sắt			
n			

Phụ lục số 02
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 10 /2016/TTLT-BGTVT-BTC
ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính)

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NGUỒN KINH PHÍ
SỰ NGHIỆP KINH TẾ ĐƯỜNG SẮT**

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng	Dự toán chi ngân sách nhà nước
I	Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt			
1	Sản phẩm thứ nhất			
2	Sản phẩm thứ hai			
n	Sản phẩm thứ n			
II	Sửa chữa định kỳ và đột xuất kết cấu hạ tầng đường sắt			
1	Sản phẩm thứ nhất			
2	Sản phẩm thứ hai			
n	Sản phẩm thứ n			
III	Khắc phục hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt do hậu quả sự cố, thiên tai và tai nạn bước 1			
1	Khắc phục sự cố công trình 1			
2	Khắc phục sự cố công trình 2...			
n	Khắc phục sự cố thứ n			
IV	Chi phí quản lý dự án			
V	Nhiệm vụ khác			
1	Kiểm tra quan trắc công trình đường sắt			
2	Kiểm định công trình đường sắt			
n			

Phụ lục số 03

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 10 /2016/TTLT-BGTVT-BTC
ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính)

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NGUỒN KINH PHÍ
SỰ NGHIỆP KINH TẾ ĐƯỜNG SẮT**

Đơn vị giao dự toán NSNN: Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

Mã số ngân sách:

Kho bạc: Mã số:

Nguồn: Sự nghiệp kinh tế đường sắt. Loại: Khoản:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nhiệm vụ	Dự toán chi ngân sách nhà nước
I	Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt	
1	Sản phẩm thứ nhất	
2	Sản phẩm thứ hai	
n	Sản phẩm thứ n	
II	Sửa chữa định kỳ và đột xuất kết cấu hạ tầng đường sắt	
1	Sản phẩm thứ nhất	
2	Sản phẩm thứ hai	
n	Sản phẩm thứ n	
III	Khắc phục hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt do hậu quả sự cố, thiên tai và tai nạn bước 1	
1	Khắc phục sự cố công trình 1	
2	Khắc phục sự cố công trình 2...	
n	Khắc phục sự cố thứ n	
IV	Chi phí quản lý dự án	
V	Nhiệm vụ khác	
1	Kiểm tra quan trắc công trình đường sắt	
2	Kiểm định công trình đường sắt	
n	